

BỘ Y TẾ
VIỆN SỐT RÉT - KÝ SINH TRÙNG -
CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG

Số: 1146 /TB-VSR
V/v yêu cầu báo giá

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp dược phẩm tại Việt Nam

Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc phục vụ hoạt động chuyên môn của Viện với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ tên: Nguyễn Thị Mai
 - Chức vụ: Chuyên viên, phòng Kế hoạch tổng hợp
 - Số điện thoại: 0936362032
 - Địa chỉ: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Số 34, đường Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.
 - Email: khthvsr@gmail.com.
- Hình thức tiếp nhận báo giá: trực tiếp, email
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15 giờ ngày 28 tháng 8 năm 2025 đến 9 giờ ngày 08 tháng 9 năm 2025.
Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ 9 giờ ngày 08 tháng 9 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương đề nghị Quý Công ty:

- Báo giá thuốc có hoạt chất, hàm lượng, dạng bào chế, nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật ... phù hợp theo danh mục tại phụ lục đính kèm.

- Báo giá đảm bảo đầy đủ các thông tin: Tên thuốc, tên hoạt chất, Số đăng ký hoặc giấy phép lưu hành, hiệu lực số đăng ký, nồng độ/hàm lượng, dạng bào chế, nhà sản xuất, nước sản xuất của thuốc, nhóm tiêu chí kỹ thuật, đơn vị tính, đơn giá (có VAT-VND), giá kê khai, ngày kê khai. Báo giá phải được người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Viện, Bệnh viện (để công khai);
- Trang <https://muasamcong.mpi.gov.vn>.
- Lưu: VT, KHTH.



Hoàng Đình Cảnh

PHỤ LỤC: DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP BẢO GIÁ

1. Danh mục thuốc theo tên Generic

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	GEN.1	Albendazol	Nhóm 2	400mg	Uống	Viên	Viên	300.000
2	GEN.2	Albendazol	Nhóm 4	200mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	300.000
3	GEN.3	Triclabendazol	Nhóm 5	250mg	Uống	Viên	Viên	8.500
4	GEN.4	Ivermectin	Nhóm 4	6mg	Uống	Viên	Viên	86.000
5	GEN.5	Praziquantel	Nhóm 4	600mg	Uống	Viên	Viên	40.000
6	GEN.6	Amoxicilin	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên nang	Viên	120.000
7	GEN.7	Levofloxacin	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên	Viên	46.000
8	GEN.8	Clarithromycin	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên	Viên	50.000
9	GEN.9	Clarithromycin	Nhóm 2	250mg	Uống	Viên	Viên	5.000
10	GEN.10	L-arginin, L-aspartat	Nhóm 4	200mg/ml x10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	250.000
11	GEN.11	Arginin hydroclorid	Nhóm 4	500mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	200.000
12	GEN.12	Arginin hydroclorid	Nhóm 4	1000mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	1.200.000
13	GEN.13	Arginin hydroclorid	Nhóm 4	1g/5ml x 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	198.000
14	GEN.14	Arginin hydroclorid	Nhóm 4	800mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	545.000
15	GEN.15	Phospholipid đậu nành	Nhóm 5	600mg	Uống	Viên nang	Viên	840.000
16	GEN.16	Silymarin	Nhóm 1	140mg	Uống	Viên nang	Viên	1.040.000
17	GEN.17	Rabeprazole	Nhóm 1	10mg	Uống	Viên	Viên	510.000

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
18	GEN.18	Esomeprazol	Nhóm 1	40mg	Uống	Viên nang	Viên	305.000
19	GEN.19	Cimetidin	Nhóm 4	200mg	Uống	Viên	Viên	90.000
20	GEN.20	Bismuth trioxid (dưới dạng bismuth subcitrat dạng keo)	Nhóm 5	120mg	Uống	Viên	Viên	173.000
21	GEN.21	Almagate	Nhóm 4	100mg/ml (10% kl/tt) x 120ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	7.500
22	GEN.22	Bacillus clausii	Nhóm 4	$1.10^9 - 2.10^9$ cfu	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	480.000
23	GEN.23	Bacillus clausii	Nhóm 1	4 tỷ/5 ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	60.000
24	GEN.24	Sắt (III) hydroxyd polymaltose	Nhóm 4	50mg/1ml x 15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	6.500
25	GEN.25	Sắt (III) hydroxyd polymaltose + acid folic		50mg, 500mcg - 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	68.000
26	GEN.26	Mỗi gói 1,5g thuốc cốm chứa: Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) + Vitamin B2 (Riboflavin) + Vitamin B5 (Dexpanthenol) + Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) + Vitamin PP (Nicotinamid)	Nhóm 4	5mg, 2mg, 3mg, 2mg, 20mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	769.000
27	GEN.27	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat) + Vitamin B2 (Riboflavin) + Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) + Vitamin PP (Nicotinamid)	Nhóm 4	4,85mg+2mg+2mg+20mg	Uống	Viên	Viên	630.000
28	GEN.28	Calci lactat pentahydrat+Thiamine hydrochloride+Riboflavine	Nhóm 4	(66,66mg+0,2mg+0,23 mg+0,40 mg+1mcg+1,00mg+	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	500.000

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
		sodium phosphate+Pyridoxine hydrochloride+Cholecalciferol +Alphatocopheryl acetate+Nicotinamide+Dexpan thenol+Lysin hydrochloride		1,33mg+0,67 mg+20mg)/ml x 7,5ml				
29	GEN.29	Lysin hydrochlorid + Thiamin hydrochlorid (Vitamin B1) + Riboflavin sodium phosphat (Vitamin B2) + Pyridoxin hydrochlorid (Vitamin B6) + Cholecalciferol (Vitamin D3) + D,L-alpha-Tocopheryl acetat (Vitamin E) + Nicotinamid (Vitamin PP) + Dexpanthenol + Calci (dưới dạng Calci lactat pentahydrat	Nhóm 4	100mg, 1mg, 1,15mg, 2mg, 133,35IU, 5mg, 6,65mg, 3,35mg, 43,35mg/5ml x10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	450.000
30	GEN.30	L-Citrulline DL-Malate	Nhóm 4	1000mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	294.000
31	GEN.31	Kẽm (dưới dạng kẽm sulfat heptahydrat)	Nhóm 4	4mg/ml x 5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Ống	370.000
32	GEN.32	Kẽm Acetat	Nhóm 5	20mg	Uống	Viên hoà tan nhanh	Viên	50.000
33	GEN.33	Desloratadin	Nhóm 1	0.5mg/ml x 100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	3.700
34	GEN.34	Desloratadin	Nhóm 4	0.5mg/ml x 40ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	2.000
35	GEN.35	Desloratadin	Nhóm 1	5mg	Uống	Viên	Viên	110.000
36	GEN.36	Bilastine	Nhóm 1	20mg	Uống	Viên	Viên	605.000
37	GEN.37	Bilastine	Nhóm 1	10mg	Uống	Viên	Viên	266.000
38	GEN.38	Telmisartan	Nhóm 1	40mg	Uống	Viên	Viên	1.200

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
39	GEN.39	Ginkgo biloba	Nhóm 2	120mg	Uống	Viên nang	Viên	133.000
40	GEN.40	Diazepam	Nhóm 1	5mg	Uống	Viên	Viên	2.000
41	GEN.41	Diazepam	Nhóm 4	10mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	60
42	GEN.42	Phenobarbital	Nhóm 4	200mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	60
43	GEN.43	Phenobarbital	Nhóm 2	100mg	Uống	Viên	Viên	4.000

2. Danh mục thuốc biệt dược gốc

TT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Fexofenadin HCl	Telfast HD “hoặc tương đương”	BDG	180mg	Uống	Viên	Viên	289.000
2	Desloratadin	Aerius “hoặc tương đương”	BDG	0,5mg/ml x 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai	2.500
3	Ginkgo biloba extract	Tanakan “hoặc tương đương”	BDG	40mg	Uống	Viên	Viên	134.000